

Bản án số: 222/2022/HS-ST

Ngày: 05/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Quốc Hùng
Ông Nguyễn Vũ Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Dung - Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm Thụ lý số 575/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thu T, sinh năm 1985; Nơi đăng ký thường trú: số X ngách Y ĐVN phường TT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: số x, ngách y, ngõ LSA, phường VC, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Đại học; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1954 (đã chết) và bà Trần Thị L sinh năm 1962; Chồng là Nguyễn Minh Đ (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú ngày 19/5/2021, bị tạm giữ ngày 20/5/2021. Tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội; Có mặt.

2. Lê Quyết T1, sinh năm 1978; Nơi đăng ký thường trú: Phòng x, B2 tập thể KT, phường TT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Số x, phố GQ, phường TT, quận LB, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Cán bộ Trung tâm y tế quận LB; Trình độ văn hoá: Đại học; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn B sinh năm 1944 (đã chết) và bà Ngô Thị T sinh năm 1954; Vợ là Giản Hoài P sinh năm 1982 (đã chết) và có 03 con, con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2021 đến ngày 29/12/2021; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Quyết T1: Luật sư Vũ Thuý Hằng và Luật sư

Tạ Thị An – Công ty Luật TNHH MTV BCPACIFIC - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị hại*: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB). Trụ sở: số x LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo ủy quyền: Ông Lang Thành D – Trưởng phòng Phòng Điều tra và Phòng chống gian lận – Khối quản trị rủi ro. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quốc V - Chuyên viên Phòng Điều tra và Phòng chống gian lận – VPB Hội sở, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong hai ngày 02/6/2020 và 05/7/2021, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội nhận được đơn tố giác của Ngân hàng TMCP VNTV (VPB), địa chỉ tại: Số x LH, phường LH, ĐĐ, Hà Nội tố giác Nguyễn Thu T, sinh ngày 16/1/1985 CMND số: 0011850007xx, cấp ngày 07/3/2014 tại Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư - Bộ Công an; Nơi đăng ký thường trú: Số x, ngách y, ĐVN, phường TT, quận ĐĐ, Hà Nội và Lê Quyết T1, sinh năm 1978, trú tại: Phòng x, B2 tập thể KT, phường TT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội có hành vi sử dụng tài liệu giả để Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng TMCP VNTV

Quá trình điều tra xác định: Qua công tác quản trị rủi ro, ngân hàng VPB phát hiện 04 hồ sơ có dấu hiệu nghi vấn gian lận, trong đó có 03 hồ sơ vay vốn tín chấp của các khách hàng mang tên gồm:

1. Nguyễn Thị Thu P, sinh năm: 1983; trú tại: Số 53, ngõ VC, phường VC, quận ĐĐ, Hà Nội, CMND 1122456xx; SĐT liên hệ: 09022536xx;

2. Vũ Thị H, sinh năm: 1992, trú tại: Cụm 13 Thôn VN, xã VQ, huyện TT, Hà Nội, CMND: 1011707xx; SĐT liên hệ: 09621381xx;

3. Nguyễn Thu T, sinh năm: 1985; trú tại: Số 5 đường 226 VM, quận ĐĐ, Hà Nội; CMND: 0122258xx; SĐT liên hệ: 09758964xx;

Ngân hàng phát hiện các CMND trong cả 03 hồ sơ vay trên đều có chung hình ảnh của Nguyễn Thu T có CCCD 001185000737; 01 hồ sơ vay vốn tín chấp của khách hàng mang tên HXT, sinh năm 1984; trú tại: xx Ngõ VC, phường VC, quận ĐĐ, Hà Nội; CMND: 1513836xx; SĐT liên hệ: 09045400xx, CMND trong hồ sơ vay là hình ảnh của Lê Quyết T1.

Quá trình điều tra làm rõ: Từ tháng 8/2016 đến tháng 7/2017, Nguyễn Thu T là nhân viên của Phòng tín dụng tiêu thương Ngân hàng VPB - Chi nhánh CG, địa chỉ: Số x NKT, quận CG, TP Hà Nội. Quá trình làm việc tại Ngân hàng VPB, T biết thủ tục cho vay tín chấp không cần tài sản thế chấp của Ngân hàng VPB, chỉ cần chứng minh thư nhân dân (bản photo), sổ hộ khẩu (bản photo), đơn xin xác nhận kinh doanh (nếu có). Khoảng tháng 8/2016, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, thông qua các mối quan hệ bạn bè trong Ngân hàng, T biết một người tên là T2 (khoảng 26 -27 tuổi, làm việc tại Trung tâm thẻ Ngân hàng VPB CG nhưng không rõ lai lịch) có thể

làm giả hồ sơ vay tín dụng. T gặp và thuê T2 làm giả hồ sơ với thỏa thuận chi phí là 10% số tiền ngân hàng giải ngân, T đã đưa ảnh của T cho T2 để làm giả các chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1983; trú tại: x Ngõ VC, phường VC, quận ĐĐ, Hà Nội; Vũ Thị H, sinh năm 1992, trú tại: Cụm x Thôn VN, xã VQ, huyện TT, Hà Nội; Nguyễn Thu T, sinh ngày 16/01/1985; trú tại: Số x đường y VM, quận ĐĐ, Hà Nội và đưa ảnh của Lê Quyết T1 để làm giả chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Xuân T, sinh năm 1984, HKTT: X Ngõ VC, phường VC, ĐĐ, Hà Nội để làm giả các hồ sơ vay vốn với mục đích chiếm đoạt 327.500.000 đồng của Ngân hàng, cụ thể:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của Nguyễn Thu T đối với hồ sơ tín chấp mang tên Nguyễn Thị Thu P để chiếm đoạt số tiền 175.000.000 đồng của Ngân hàng VPB.

Ngày 18/8/2016, Nguyễn Thu T làm giả hồ sơ mang tên Nguyễn Thị Thu P, sinh năm: 1983; trú tại xx Ngõ VC, phường VC, quận ĐĐ, Hà Nội; CMND: 1122456xx; SĐT liên hệ: 09022536xx ký giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn hợp đồng số LD1623701138 với Ngân hàng VPB để vay tín chấp số tiền 200.000.000 đồng tại VPB chi nhánh Vương Thừa Vũ. Hồ sơ vay vốn gồm: CMND photo của khách hàng Phương, đơn xin xác nhận kinh doanh tại 48 phố Thuốc Bắc, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hình dấu của UBND phường Hàng Bồ và chữ ký của ông Nguyễn Hoàng Anh - Phó Chủ tịch UBND phường Hàng Bồ trên “Đơn xin xác nhận kinh doanh” trong hồ sơ vay tiền của khách hàng Nguyễn Thị Thu P đã bị bị cáo Nguyễn Thu T làm giả. Ngày 24/8/2016, Ngân hàng VPB phê duyệt giải ngân khoản vay số tiền là 175.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng là tiền bảo hiểm khoản vay. Ngày 25/8/2016 và ngày 29/8/2016, Nguyễn Thu T đã ký giấy lĩnh tiền từ tài khoản 99002492 mang tên khách hàng Nguyễn Thị Thu P mở tại Ngân hàng VPB số tiền 175.000.000 đồng rút tiền tại quầy giao dịch VPB chi nhánh Trần Thái Tông, địa chỉ: Số D5 Trần Thái Tông, Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Cụ thể:

+ Ngày 25/8/2016, Nguyễn Thu T rút số tiền 50.000.000 đồng;

+ Ngày 29/8/2016, Nguyễn Thu T rút số tiền 125.000.000 đồng.

Trên giấy lĩnh tiền ghi số điện thoại của khách hàng, Nguyễn Thị Thu P là 0962138185.

Sau khi nhận tổng số tiền 175.000.000 đồng của Ngân hàng VPB, T đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân.

- *Tại Bản kết luận giám định số 7446/KLGD-PC09-Đ4 ngày 21/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:*

“1. Chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Thu P trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A4) với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Thu P trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) **không phải là chữ do cùng một người viết ra.**”

Mẫu cần giám định: 01 “Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn”, khách hàng đứng tên Nguyễn Thị

Thu P, đề ngày 16/8/2016 (Gồm 07 tờ - Ký hiệu A1); 01 “Đơn xin xác nhận kinh doanh”, người làm đơn đứng tên Nguyễn Thị Thu P, đề ngày 15/8/2016 (Ký hiệu A2); 02 “Giấy lĩnh tiền”, người lĩnh tiền đứng tên Nguyễn Thị Thu P, đề các ngày: 25/8/2016, 29/8/2016 (Ký hiệu A3, A4).

Mẫu so sánh: 01 “Bản tự khai” đứng tên Nguyễn Thị Thu P, không đề ngày, tháng, năm (Ký hiệu M1); 01 “Biên bản ghi lời khai” Nguyễn Thị Thu P, đề ngày 10/7/2020 (Ký hiệu M2).

“4. Chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Thu P trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A4); Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thu T (dưới chữ ký) tại mục nhân viên bán hàng trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A5); Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thu T tại mục “Xác nhận và Chữ ký mẫu Chủ thẻ chính” trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A8) với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thu T trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M7 đến M11) ***là chữ do cùng một người viết và ký ra.***”

- *Mẫu cần giám định:* 01 “Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn” số 20161130-0006853, khách hàng đứng tên Vũ Thị H, đề ngày: 29/11/2016, 30/11/2016 (Gồm 05 tờ - Ký hiệu A5). 01 “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử”, chủ thẻ chính đứng tên Nguyễn Thu T, đề ngày 27/7/2017 (Gồm 04 tờ - Ký hiệu A8).

- *Mẫu so sánh:* 02 “Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân”, số thẻ CCCD: 001185000737, người khai đứng tên Nguyễn Thu T (ký hiệu M7, M8); 02 “Tờ khai căn cước công dân”, người khai đứng tên Nguyễn Thu T, đề các ngày 01/8/2010, 14/10/2016 (ký hiệu M9, M10); 01 “Tờ khai chứng minh nhân dân”, người khai đứng tên Nguyễn Thu T, không đề ngày, tháng, năm (Ký hiệu M11).

“5. Hình dấu tròn “U.B.N.D PHƯỜNG HÀNG BỒ Q.HOÀN KIỂM TP HÀ NỘI” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) với hình dấu tròn “U.B.N.D PHƯỜNG HÀNG BỒ Q.HOÀN KIỂM TP HÀ NỘI” trên mẫu so sánh (Ký hiệu M12) ***không phải do cùng một con dấu đóng ra.***”

“6. Chữ ký đứng tên Nguyễn Hoàng Anh trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) với chữ ký đứng tên Nguyễn Hoàng Anh trên mẫu so sánh (Ký hiệu M12) ***không phải do cùng một người ký ra.***”

- *Mẫu cần giám định:* 01 “Đơn xin xác nhận kinh doanh”, người làm đơn đứng tên Nguyễn Thị Thu P, đề ngày 15/8/2016 (Ký hiệu A2).

- *Mẫu so sánh:* 01 “Biên bản thu thập mẫu dấu, mẫu chữ ký”, đại diện cơ quan cung cấp đứng tên Lê Minh Đức, đề ngày 24/06/2020 (Ký hiệu M12).

- *Tại Bản Kết luận giám định số 10427/KLGD-PC09-Đ4 ngày 30/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:*

“1. Chữ viết dòng họ tên “Nguyễn Thị Thu P” dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Thu P trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 ***không phải là chữ do cùng một người viết ra.***”

“2. Chữ viết dòng họ tên “Nguyễn Thị Thu P” dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thu T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M3 đến M7 **là chữ do cùng một người viết ra.**”

- *Mẫu cần giám định:* 01 “Bảng kê thu nhập” khách hàng đứng tên Nguyễn Thị Thu P, đề ngày 16/8/2016 (Ký hiệu A1). 01 “Giấy yêu cầu bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng” Người tham gia bảo hiểm đứng tên Nguyễn Thị Thu P đề ngày 16/8/2016 (Ký hiệu A2). 01 “Biên bản xác nhận nhu cầu vốn vay” khách hàng đứng tên Nguyễn Thị Thu P đề ngày 16/8/2016 (Gồm 02 tờ - Ký hiệu A3).

- *Mẫu so sánh:* 01 “Bản tự khai” đứng tên Nguyễn Thị Thu P, không đề ngày, tháng, năm (Ký hiệu M1); 01 “Biên bản ghi lời khai” Nguyễn Thị Thu P, đề ngày 10/7/2020 (Ký hiệu M2). 01 “Tờ khai chứng minh nhân dân” người khai đứng tên Nguyễn Thu T không đề ngày, tháng, năm (Ký hiệu M3); 02 “Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân” người khai đứng tên Nguyễn Thu T, 01 bản đề ngày 01/8/2018 và 01 bản không đề ngày, tháng, năm (Ký hiệu M4, M5); 02 “Tờ khai căn cước công dân” người khai đứng tên Nguyễn Thu T đề các ngày 01/8/2018, 14/10/2016 (Ký hiệu M6, M7).

- Sao kê tài khoản mang tên Nguyễn Thị Thu P tại ngân hàng VPB thể hiện: Sau khi giải ngân, từ ngày 24/9/2016 đến ngày 24/3/2017, Nguyễn Thu T đã trả được tổng số tiền 36.463.698 đồng (trong đó số tiền gốc là 10.135.004 đồng và số tiền lãi là 26.328.694 đồng), sau đó T không thanh toán. Tính đến ngày 24/6/2021, tổng số tiền còn lại là 584.521.610 đồng (trong đó số tiền gốc là 189.864.996 đồng và số tiền lãi là 389.008.292 đồng).

- Ngân hàng VPB xác định: Hiện tổng số tiền Nguyễn Thu T phải bồi thường cho Ngân hàng VPB đối với khoản vay mang tên Nguyễn Thị Thu P là 578.494.312 đồng (Nợ gốc: 189.864.996 đồng, nợ lãi: 388.622.318 đồng).

- Xác minh tại địa chỉ 53 Ngõ Văn Chương, phường Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội không có người tên Nguyễn Thị Thu P.

- Công an quận Hoàn Kiếm xác định: Tại địa chỉ 48 phố Thuốc Bắc, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội không có người tên Nguyễn Thị Thu P làm ăn kinh doanh. UBND phường Hàng Bồ không ký và đóng dấu trên đơn xin xác nhận kinh doanh của Nguyễn Thị Thu P.

- Phòng PV06 - Công an TP Hà Nội xác định: số CMND 112245661 là của Nguyễn Thị Thu P (HKTT: Cụm 1 xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, Hà Tây). Ảnh trên CMND trong hồ sơ vay không phải của Nguyễn Thị Thu P.

- Chị Nguyễn Thị Thu P khai: Không làm hồ sơ vay tiền tại Ngân hàng VPB; hình ảnh trên CMND trong các hồ sơ vay tiền tại Ngân hàng VPB không phải là ảnh của chị Phương; Không đăng ký nhân khẩu tại các sổ hộ khẩu (bản photo) có trong hồ sơ vay tiền tại Ngân hàng VPB; Không biết và không có quan hệ với Nguyễn Thu T (CMND: 001185000737) - người lấy tên Nguyễn Thị Thu P để mở hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng VPB; CMND mà đối tượng sử dụng trong hồ sơ vay vốn là CMND đã bị thất lạc.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng đối với hồ sơ tín chấp mang tên Vũ Thị H tại Ngân hàng VPB

Ngày 29/11/2016, khi Nguyễn Thu T là nhân viên bán hàng ở ngân hàng VPB - Chi nhánh Cầu Giấy, Số X NKT, phường QH, quận CG, Hà Nội. T đã làm giả hồ sơ mang tên Vũ Thị H, sinh năm: 1992, trú tại: Cụm X VN, xã VQ, huyện TT, Hà Nội ký giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn hợp đồng số LD1633502817 với Ngân hàng VPB vay tín chấp số tiền 52.500.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng tại Phòng tín dụng tiêu thương Cầu Giấy 1, VPB chi nhánh Cầu Giấy. Hồ sơ vay vốn gồm: CMND photo mang tên Vũ Thị H, giấy xác nhận nhu cầu vay vốn nhân viên bán hàng là Nguyễn Thu T có SĐT: 0975896436. Ngày 30/11/2016, Ngân hàng VPB phê duyệt giải ngân khoản vay số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản thanh toán số 112284664 mang tên Vũ Thị H (còn lại 2.500.000 đồng là tiền bảo hiểm khoản vay). Ngày 01/12/2016, khách hàng mang tên Vũ Thị H đã ký giấy lĩnh tiền từ tài khoản 112284664 của Vũ Thị H mở tại Ngân hàng VPB số tiền 50.000.000 đồng do giao dịch viên Vũ Thị Thương thực hiện thủ tục rút tiền. Trên giấy lĩnh tiền ghi số điện thoại của khách hàng Vũ Thị H là 0962138185. Sau khi nhận tổng số tiền 50.000.000 đồng của Ngân hàng VPB, T đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân. T đều sử dụng hai số điện thoại 0975896436, 0962138185.

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cung cấp: Khoản vay mang tên Vũ Thị H (CMND số: 101170749; hợp đồng vay: LD1633502817) chưa được tất toán và hiện đang quá hạn tại VPB. Hợp đồng vay LD1633502817 - Vũ Thị H (CMND số: 101170749) có dư nợ gốc 50.234.390 đồng.

- Xác minh tại Công an xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì xác định: Tại cụm 13 Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội không có người tên Vũ Thị H.

- Phòng PV06 - Công an TP Hà Nội xác định: số CMND 101170749 là của Vũ Thị H, HKTT: PD, UB, tỉnh Quảng Ninh. Ảnh trên CMND trong hồ sơ vay không phải của Vũ Thị H.

- Chị Vũ Thị H khai: Chị Hiền không làm hồ sơ vay tiền tại Ngân hàng VPB; hình ảnh trên các CMND trong các hồ sơ vay tiền tại Ngân hàng VPB không phải là hình ảnh của chị Hiền. Chị Hiền không đăng ký địa chỉ thường trú tại địa chỉ ghi trong sổ hộ khẩu (bản photo) có trong hồ sơ vay tiền tại Ngân hàng VPB. Chị Hiền không biết và không có quan hệ với Nguyễn Thu T (CMND: 001185000737); CMND mà đối tượng sử dụng trong hồ sơ vay vốn là CMND đã bị thất lạc.

- Ông Nguyễn Quốc V đại diện Ngân hàng VPB trình bày: Đối với khoản vay mang tên Vũ Thị H trên hệ thống thanh khoản của Ngân hàng VPB hiện không còn nợ, do sau khi có đơn tố cáo, Ngân hàng đã trích lập dự phòng rủi ro để tất toán khoản nợ xấu trên. Dư nợ của khoản vay đã chuyển qua hệ thống chuyên quản lý các khoản vay dạng được trích lập dự phòng rủi ro để theo dõi. Đến nay, số tiền dư nợ (Cả gốc và lãi) của khoản vay mang tên Vũ Thị H là 50.234.390 đồng.

- *Tại Bản Kết luận giám định số 7446/KLGD-PC09-Đ4 ngày 21/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận:*

“2. Chữ viết đồng họ tên Vũ Thị H trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A5 đến A7) với chữ viết đứng tên Vũ Thị H trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M3, M4) **không phải là chữ do cùng một người viết ra.**

- **Không đủ cơ sở kết luận** chữ ký đứng tên Vũ Thị H trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A5 đến A7) với chữ ký đứng tên Vũ Thị H trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M3, M4) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.”

- *Mẫu cần giám định:* 01 “Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn” số 20161130-0006853, khách hàng đứng tên Vũ Thị H, đề ngày: 29/11/2016, 30/11/2016 (Gồm 05 tờ - Ký hiệu A5). 02 “Giấy lĩnh tiền”, người lĩnh tiền đứng tên Vũ Thị H, cùng đề ngày 01/12/2016 (Ký hiệu A6, A7).

- *Mẫu so sánh:* 01 “Bản tường trình” đứng tên Vũ Thị H, không đề ngày, tháng, năm (Ký hiệu M3); 01 “Biên bản ghi lời khai” Vũ Thị H, đề ngày 23/7/2020 (Ký hiệu M4).

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thu T tại mục nhân viên bán hàng - Ngân hàng VPB trên Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử vay vốn của khách hàng Vũ Thị H so với chữ viết, chữ ký của đối tượng Nguyễn Thu T (CMND: 001185000737) là chữ do cùng một người viết và ký ra.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 52.500.000 đồng đối với hồ sơ thẻ tín dụng mang tên Nguyễn Thu T tại Ngân hàng VPB

Ngày 27/7/2017, Ngân hàng VPB ký giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử với khách hàng mang tên Nguyễn Thu T (sinh ngày 16/01/1985; trú tại: Số X, đường Y VM, quận ĐĐ, Hà Nội; CMND: 0122258xx; SĐT liên hệ: 09758964xx) để mở thẻ tín dụng theo hợp đồng số 324P-5098255 vay số tiền 35.000.000 đồng tại Trung tâm cho vay tiêu dùng miền Bắc của VPB (địa chỉ: số x phố DT, phường DVH, quận CG, Hà Nội). Hồ sơ vay vốn gồm: CMND photo của khách hàng Nguyễn Thu T có ngày tháng năm sinh trùng với đối tượng Nguyễn Thu T chỉ khác số CMTND, sổ hộ khẩu photo là Hộ khẩu của gia đình đối tượng Nguyễn Thu T (CMND: 001185000737) có bố là Nguyễn Văn Đ, mẹ là bà Trần Thị L. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ là Phạm Trường Th xác nhận đã đối chiếu bản gốc trên CMND và sổ hộ khẩu của khách hàng mang tên Nguyễn Thu T. Thông tin người liên lạc trong hồ sơ mở thẻ của Nguyễn Thu T là bà Trần Thị L (mẹ đẻ của T - CMND: 0011850007xx). Ngày 10/8/2017, thẻ tín dụng mang tên Nguyễn Thu T được kích hoạt, hạn mức thẻ được cấp là 52.500.000 đồng. Sau khi kích hoạt thẻ tín dụng của Ngân hàng VPB, T đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân. Đến nay dư nợ thẻ là 55.838.003 đồng.

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cung cấp: Thẻ tín dụng mang tên Nguyễn Thu T (CMND số: 0122258xx; hợp đồng thẻ: 324-P-5098255) chưa được tắt

toán và hiện đang quá hạn tại VPB. Hợp đồng thẻ 324-P-5098255 Nguyễn Thu T (CMND số: 012225872) có dư nợ 55.838.003 đồng (trong đó dư nợ gốc là 48.654.510 đồng và dư nợ lãi 7.183.493 đồng).

- Xác minh tại Công an phường Văn Miếu, quận Đống Đa xác định: Tại số 5, đường 226 Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội không có người tên Nguyễn Thu T.

- Phòng PV06 - Công an TP Hà Nội xác định: Số CMND 012225872 là của Nguyễn Thu T (sinh năm: 1983, HKTT: tổ 8 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội). Ảnh trên CMND trong hồ sơ vay không phải của Nguyễn Thu T.

- Khách hàng Nguyễn Thu T, sinh năm: 1983, HKTT tại: Tổ 8, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội; chỗ ở: số 59 H4, tổ 13B phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội khai: Chị T không làm hồ sơ mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng VPB; hình ảnh trên CMND trong các hồ sơ mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng VPB không phải là hình ảnh của chị T. Chị T không đăng ký nhân khẩu tại địa chỉ trong sổ hộ khẩu (bản photo) có trong hồ sơ mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng VPB. Chị T không biết và không có quan hệ với Nguyễn Thu T (CMND: 001185000737); CMND mà đối tượng sử dụng trong hồ sơ mở thẻ tín dụng là CMND đã bị thất lạc. Chị T đăng ký HKTT tại: Tổ 8, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

- Ông Nguyễn Quốc Vương đại diện Ngân hàng VPB trình bày: Đối với khoản vay mang tên Nguyễn Thu T trên hệ thống thanh khoản của Ngân hàng VPB hiện không còn nợ, do sau khi có đơn tố cáo, Ngân hàng đã trích lập dự phòng rủi ro để tất toán khoản nợ xấu. Dư nợ của khoản vay đã chuyển qua hệ thống chuyên quản lý các khoản vay dạng được trích lập dự phòng rủi ro để theo dõi. Đến nay, số tiền dư nợ (cả gốc và lãi) của khoản vay mang tên Nguyễn Thu T là 55.838.003 đồng.

- *Tại Bản Kết luận giám định số 7446/KLGD-PC09-Đ4 ngày 21/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:*

“3. Chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thu T tại mục “Xác nhận và Chữ ký mẫu Chủ thẻ chính” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A8) với chữ viết đứng tên Nguyễn Thu T trên các mẫu so sánh (ký hiệu M5, M6) ***không phải là chữ do cùng một người viết ra.***”

- ***Không đủ cơ sở kết luận*** chữ ký đứng tên Nguyễn Thu T tại mục “Xác nhận và Chữ ký mẫu Chủ thẻ chính” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A8) với chữ ký đứng tên Nguyễn Thu T trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M5, M6) có phải là chữ ký do cùng một người ký ra hay không.”

- *Mẫu cần giám định:* 01 “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử”, chủ thẻ chính đứng tên Nguyễn Thu T, đề ngày 27/7/2017 (Ký hiệu A8)

- *Mẫu so sánh:* 01 “Biên bản hỏi cung bị can” đứng tên Nguyễn Thu T, đề ngày 20/5/2021 (Ký hiệu M5); 01 “Biên bản hỏi cung bị can” Nguyễn Thu T, đề ngày 01/7/2021 (Ký hiệu M6).

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thu T tại mục “Xác nhận và Chữ ký mẫu Chủ thẻ chính” trên mẫu cần giám định là “Xác nhận Giấy đề nghị phát hành thẻ

tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử" của khách hàng Nguyễn Thu T (CMND: 012225872, ký hiệu A8) với chữ ký, chữ viết của đối tượng Nguyễn Thu T tại các tờ khai thông tin căn cước công dân (CMND: 001185000737, mẫu so sánh ký hiệu M7 đến M11) là chữ do cùng một người viết và ký ra.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng của Nguyễn Thu T và Lê Quyết T1 thông qua hồ sơ tín chấp mang tên Hoàng Xuân Trường

Năm 2015, Nguyễn Thu T và Lê Quyết T1 có quan hệ tình cảm. Đầu năm 2017, T đã cùng bàn bạc với Thắng lập giả hồ sơ để vay tiền ngân hàng. Thông qua đối tượng tên T2 làm tại Trung tâm thẻ Ngân hàng VPB ở DT (T không biết địa chỉ của T2 ở đâu), T đưa ảnh, thông tin của Thắng cho T2 để T2 làm giả các tài liệu trong hồ sơ vay tiền ngân hàng gồm: CMTND, sổ hộ khẩu... giúp T và thỏa thuận chi phí 10% số tiền ngân hàng giải ngân. Ngày 19/01/2017, Lê Quyết T1 sử dụng ảnh của cá nhân làm giả Chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Xuân Tr, số điện thoại 0904540048 (số điện thoại của Thắng) để làm hồ sơ vay và ký Hợp đồng vay tín chấp số LD1702300299 mang tên Hoàng Xuân Tr, số tiền 50.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh Cửa hàng sim thẻ - phụ kiện điện thoại mang tên Hoàng Xuân Tr (sinh năm 1984, trú tại: x ngõ VC, phường VC, quận ĐĐ, Hà Nội), địa chỉ cửa hàng tại: Số X NT kéo dài, quận CG, Hà Nội. Nguyễn Thu T là nhân viên Phòng tín dụng tiểu thương Cầu Giấy 1, VPB chi nhánh Cầu Giấy, địa chỉ: số x NKT, QH, CG, Hà Nội. T là người tiếp nhận, trình hồ sơ để phê duyệt đề nghị cấp tín dụng. T chịu trách nhiệm đối chiếu tài liệu gốc và lưu hồ sơ, T biết là hồ sơ giả nên không đối chiếu đã lưu hồ sơ là các tài liệu photo. Ngày 23/01/2017, VPB đã giải ngân khoản vay số tiền 52.500.000 đồng vào tài khoản số 115808297 mang tên Hoàng Xuân Tr (được lập cùng khoản vay). Ngày 24/01/2017, Lê Quyết T1 sử dụng chứng minh nhân dân giả mang tên Hoàng Xuân Trường cùng T đến Ngân hàng VPB chi nhánh Kim Liên, địa chỉ: 61 Xã Đàn, quận Đống Đa, TP Hà Nội rút tiền mặt số tiền 50.000.000 đồng trên tài khoản số 115808297; số tiền còn lại 2.500.000 đồng là tiền mua bảo hiểm khoản vay theo thỏa thuận trên hợp đồng. Sau khi rút tiền T đưa T2 2.000.000 đồng, T2 đã thu lại chứng minh thư nhân dân giả. Khoản vay trên không được thanh toán dẫn đến phát sinh dư nợ xấu gồm 52.500.000 đồng tiền gốc và 212.100.517 đồng tiền lãi và phạt chậm trả. Tổng dư nợ khoản vay là 264.600.517 đồng.

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cung cấp: Khoản vay mang tên Hoàng Xuân Trường (CMND số: 151383695; hợp đồng vay: LD1702300299) chưa được tất toán và hiện đang quá hạn. Hợp đồng vay LD1702300299 - Hoàng Xuân Trường (CMND số: 151383695) có dư nợ gốc 52.500.000 đồng. Ngày 28/12/2021, gia đình Lê Quyết T1 đã thanh toán số tiền 52.500.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng không yêu cầu bồi thường gì khác.

- Xác minh tại Công an phường Dịch Vọng Hậu về cửa hàng bán sim điện thoại tại địa chỉ: số 1A Nghĩa Tân kéo dài, quận Cầu Giấy, Hà Nội: Trong thời điểm năm 2017, không xác định được có cửa hàng bán sim điện thoại tại địa chỉ trên.

- Xác minh chủ thuê bao số điện thoại 0904540048 tại thời điểm tháng 01/2017 là Lê Quyết T1; số CMND: 030984079 cấp ngày 14/4/2010 tại Hải Phòng; địa chỉ: Phường Dư Hàng, quận Lê Chân, TP Hải Phòng; ngày kích hoạt 30/7/2016; ngày huỷ 22/8/2017.

- Anh Hoàng Xuân Trường, sinh năm: 1984; trú tại: Tổ 12, phường Trần Lãm, TP Thái Bình khai: Không quen biết Nguyễn Thu T và Lê Quyết T1. Anh Trường không mở hồ sơ vay tín dụng tại Ngân hàng VPB.

- *Tại Bản Kết luận giám định số 8202/KLGĐ0PC09-ĐĐ3 ngày 19/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:*

“Chữ ký dạng chữ viết “Trường”, chữ viết dòng họ tên Hoàng Xuân Trường (dưới chữ ký) trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 **là chữ do người có mẫu chữ viết đứng tên Lê Quyết T1 trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M3 viết ra.**”

- *Mẫu cần giám định:* 01 “GIẤY LĨNH TIỀN”, người lĩnh đứng tên Hoàng Xuân Trường, đề ngày 24/01/2017 (Ký hiệu A1); 01 “GIẤY ĐĂNG KÝ VAY TIÊU DÙNG, VAY KINH DOANH CÁ NHÂN, MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN, THẺ GHI NỢ VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ” khách hàng đứng tên Hoàng Xuân Trường, đề ngày 19/01/2017 (Ký hiệu A2); 01 “XÁC NHẬN NHU CẦU VAY VỐN” khách hàng đứng tên Hoàng Xuân Trường, đề ngày 19/01/2017 (Ký hiệu A3); 01 “LỊCH TRẢ NỢ” đề ngày 01/3/2017 (Ký hiệu A4).

- *Mẫu so sánh:* 01 “ĐƠN TRÌNH BÀY” đứng tên Lê Quyết T1, đề ngày 04/7/2021 (Ký hiệu M1). 01 “BẢN TỰ KHAI” đứng tên Lê Quyết T1, không đề ngày tháng năm (Ký hiệu M2). 01 “BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI” Lê Quyết T1, đề ngày 30/8/2021 (Ký hiệu M3).

- Đối với hành vi làm giả Chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Xuân Trường, do không thu được Chứng minh thư nhân dân bản gốc nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về hành vi làm giả đối với Nguyễn Thu T, Lê Quyết T1.

* Xác minh tại Ngân hàng VPB, ông Phạm Văn T2 đại diện Ngân hàng VPB cung cấp: Nguyễn Thu T (sinh năm: 1985; CMND: 001185000737; HKTT: Số 4 ngách 12/6 Đặng Văn Ngữ, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội) là nhân viên của Khối tín dụng tiểu thương Ngân hàng VPB từ 12/01/2016 đến 24/8/2017. Kiểm tra toàn bộ hồ sơ phát hiện T đã lồng ảnh của T (ảnh trên hồ sơ xin việc tại VPB) vào ảnh CMND của các khách hàng Vũ Thị H, Nguyễn Thu T, Nguyễn Thị Thu P. Các thông tin trên hồ sơ vay gồm:

+ Thông tin người liên hệ (mẹ: Trần Thị Lý là mẹ đẻ của đối tượng T) được T sử dụng điền vào thông tin vào hồ sơ mở thẻ tín dụng của khách hàng Nguyễn Thu T (CMND: 012225872).

+ Số điện thoại của đối tượng Nguyễn Thu T (CMND: 001185000737) tại mục nhân viên bán hàng của hồ sơ vay vốn Vũ Thị H là 0975896436 được sử dụng làm số điện thoại liên hệ trong hồ sơ mở thẻ tín dụng của Nguyễn Thu T (CMND: 012225872).

+ Số điện thoại liên hệ trong hồ sơ vay vốn mang tên Vũ Thị H là 0962138185 được sử dụng làm số điện thoại liên hệ trong 02 Giấy lĩnh tiền ngày 25/8/2016 và ngày 29/8/2016 của khách hàng Nguyễn Thị Thu P.

* Đối với các cán bộ nhân viên Ngân hàng VPB là Nguyễn Anh Tú, Vũ Việt Mạnh, Nguyễn Văn Chinh, Lê Thị Ngọc Linh, Trần Thị Thanh Tâm, Huỳnh Nguyễn Bảo Châu... đã thực hiện việc kiểm tra thẩm định hồ sơ theo quy định của Ngân hàng VPB, quá trình điều tra xác định các nhân viên Ngân hàng VPB không trao đổi, bàn bạc với Nguyễn Thu T, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự.

* Cơ quan CSĐT - Công an TP Hà Nội đã xác minh đối tượng tên T2 - khoảng 26, 27 tuổi làm việc tại Trung tâm thẻ Ngân hàng VPB - Cầu Giấy, nhưng do bị cáo T cung cấp không đủ thông tin nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, đại diện ngân hàng cũng xác nhận không có đối tượng tên T2 như thông tin của bị cáo T mô tả.

* Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Thu T 01 điện thoại di động vỏ ngoài màu xanh, có chữ realme, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng. Thu của Lê Quyết T1 01 điện thoại di động có ghi chữ Iphone màu trắng đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng.

Bản Cáo trạng số 11/CT-VKS- P3 ngày 30/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Thu T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015. Truy tố bị cáo Lê Quyết T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như bản Cáo trạng đã công bố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu T mức án từ 08 năm tù đến 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 02 năm tù đến 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hình phạt chung cho cả hai tội từ 10 năm tù đến 12 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt báo Lê Quyết T1 từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về dân sự: Đối với bị cáo Lê Quyết T1 đã bồi thường xong cho Ngân hàng VPB số tiền đã chiếm đoạt, ngân hàng không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thu T, buộc bị cáo bồi thường cho ngân hàng VPB số tiền còn

chiếm đoạt.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 chiếc điện thoại của các bị cáo, tuy nhiên 02 chiếc điện thoại này các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị trả lại.

- Các bị cáo tại phiên tòa đều công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Thu T trình bày: Bị cáo rất muốn bồi thường khắc phục hậu quả cho ngân hàng nhưng hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn; bố bị cáo đã chết, bị cáo phải lao động nuôi mẹ và con nhỏ, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Quyết T1 trình bày: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Bị cáo có nhân thân tốt, là bác sỹ ngoại thần kinh từng phục vụ trong quân đội gần 10 năm. Trong đợt dịch Covid-19, bị cáo đã tham gia thường trực phòng, chống dịch và tiêm chủng cho người dân. Bị cáo đang phải nuôi 03 con nhỏ, vợ bị cáo đã chết. Bị cáo xin được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội để có điều kiện chăm sóc cho các con và gia đình.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Quyết T1 – Luật sư Tạ Thị An và Luật sư Vũ Thúy Hằng đồng ý với tội danh, điều khoản truy tố và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả, được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có bố mẹ là Đảng viên. Bị cáo là bác sỹ, đã tích cực tham gia phòng, chống dịch Covid-19 nên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng trình bày: đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh, điều khoản, và quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của vị Đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo Thắng được hưởng án treo vì bị cáo là người có nhân thân tốt, đã tích cực bồi thường thiệt hại cho ngân hàng. Đối với bị cáo Nguyễn Thu T chưa bồi thường khắc phục hậu quả nên đề nghị xử nghiêm theo pháp luật. Về bồi thường dân sự: buộc bị cáo bồi thường số tiền thực tế bị cáo đã chiếm đoạt của ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị

cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

- *Về tội danh*: Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; căn cứ các bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, Từ tháng 8/2016 đến tháng 7/10/17 Nguyễn Thu T là nhân viên của Phòng tín dụng tiêu thụ ngân hàng VPB – Chi nhánh Cầu Giấy thông qua đối tượng T2, bị cáo T đã thuê T2 làm giả hồ sơ vay tín dụng để ngân hàng giải ngân qua cách thức: T đưa ảnh cá nhân của T cho T2 để làm giả các chứng minh thư nhân dân Nguyễn Thị Thu P (Sinh năm 1983), Vũ Thị H (Sinh năm 1992), Nguyễn Thu T (Sinh ngày 16/01/1985, trú tại: Số 5, phố 226 Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội) để hợp thức hồ sơ và thủ tục vay tiền, chiếm đoạt của ngân hàng tổng số tiền là 277.500.000 đồng (Cụ thể: hồ sơ tín chấp Nguyễn Thị Thu P: 175.000.000 đồng; hồ sơ thẻ tín dụng Nguyễn Thu T: 52.500.000 đồng; hồ sơ tín chấp Vũ Thị H: 50.000.000 đồng).

Bằng thủ đoạn trên Nguyễn Thu T và Lê Quyết T1 đã bàn bạc làm giả chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Xuân Trường để hoàn thiện hồ sơ vay vốn tại ngân hàng VPBank và số tiền chiếm đoạt của hồ sơ tín chấp Hoàng Xuân Trường là 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Thu T đã chiếm đoạt của ngân hàng VPB thông qua 04 hồ sơ vay tín chấp là 327.500.000 đồng, bị cáo Lê Quyết T1 chiếm đoạt của ngân hàng VPB thông qua hồ sơ tín chấp mang tên Hoàng Xuân Trường là 50.000.000 đồng.

Để có đủ điều kiện được ngân hàng giải ngân đối với hồ sơ tín chấp Nguyễn Thị Thu P, bị cáo Nguyễn Thu T đã làm giả hình dấu của UBND phường Hàng Bò và chữ ký của ông Nguyễn Hoàng Anh – Phó chủ tịch UBND phường Hàng Bò trên “Đơn xin xác nhận kinh doanh trong hồ sơ vay tiền của khách hàng Nguyễn Thị Thu P” để ngân hàng VPB giải ngân và chiếm đoạt số tiền 175.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Thu T đã phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung là “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng”.

Bản Cáo trạng số 11/CT-VKS– P3 ngày 30/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Thu T tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Quyết T1 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- *Xét tính chất, mức độ, hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội*:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ. Hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của bị cáo Nguyễn Thu T đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước.

- *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Nguyễn Thu T và bị cáo Lê Quyết T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Thu T thực hiện 04 lần chiếm đoạt tài sản ngân hàng, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, mỗi lần thực hiện hành vi phạm tội, số tiền chiếm đoạt đều dưới mức định khung và tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của 04 lần là 327.500.000 đồng là tình tiết định khung khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Căn cứ khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự quy định: các tình tiết là dấu hiệu định khung hình phạt thì không coi là tình tiết tăng nặng, nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thu T, bị cáo Lê Quyết T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Quyết T1 đã tự nguyện bồi thường cho ngân hàng VPB số tiền 52.500.000 đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự với các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thu T đã ra đầu thú tại cơ quan điều tra. Bị cáo Lê Quyết T1 có nhân thân tốt, là bác sỹ có nhiều đóng góp trong công tác phòng chống dịch Covid-19, tham gia tiêm phòng cho người dân trên địa bàn quận Long Biên, quận Hai Bà Trưng. Sau khi bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Bị cáo Thắng đang phải nuôi ba con nhỏ, vợ bị cáo đã chết.

- *Về hình phạt:* Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; cũng như đánh giá vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án; sau khi xem xét quan điểm của Luật sư bào chữa, đại diện bị hại và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị cáo Nguyễn Thu T có vai trò chính trong vụ án, chưa bồi thường khắc phục hết số tiền đã chiếm đoạt, tuy nhiên bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt nên áp dụng hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo Lê Quyết T1 không có tình tiết tăng nặng, có hơn 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, nên cho bị cáo được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện của chế định án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

[3] Các biện pháp tư pháp:

3.1 Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và biện pháp bảo đảm việc bồi thường:

- Bị cáo Nguyễn Thu T và Lê Quyết T1 cùng chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng (hồ sơ tín chấp mang tên Hoàng Xuân Trường). Bị cáo Lê Quyết T1 đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thu T phải chia theo kỷ phần. Bị hại Ngân hàng không yêu cầu về dân sự.

- Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Thu T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt và trừ đi số tiền đã trả, cụ thể: Bị cáo chiếm đoạt của ngân hàng số tiền là 277.500.000 đồng. Đối với hồ sơ tín chấp tên Nguyễn Thị Thu P, từ ngày 24/9/2016 đến 24/3/2017 bị cáo đã trả được tổng số tiền 36.463.698 đồng. Như vậy, bị cáo còn phải bồi thường khắc phục số tiền 241.036.302 đồng đã chiếm đoạt.

3.2 Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 02 chiếc điện thoại của các bị cáo, tuy nhiên 02 chiếc điện thoại này các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên được trả lại cho các bị cáo.

[4] Về án phí hình sự, án phí dân sự:

- Án phí hình sự: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

- Án phí dân sự: Bị cáo Nguyễn Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền chiếm đoạt chưa bồi thường 241.036.302 đồng.

[5] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thu T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu T 08 (Tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (Hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Buộc bị cáo Nguyễn Thu T phải chấp hành hình phạt tù chung của hai tội là 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 20/5/2021.

- Tuyên bố bị cáo **Lê Quyết T1** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Quyết T1 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Quyết T1 cho Ủy ban nhân dân phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo bị cáo Lê Quyết T1 phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Các biện pháp tư pháp:

2.1 Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và biện pháp bảo đảm việc bồi thường:

Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 5 Điều 275, các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Thu T phải bồi thường cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV (VPB) số tiền còn chiếm đoạt 241.036.302 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2.2 Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thu T: 01 điện thoại di động vỏ ngoài màu xanh, có chữ realme, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng hoạt động và các thông số khác, kèm 01 sim điện thoại.

- Trả lại bị cáo Lê Quyết T1: 01 điện thoại di động có ghi chữ Iphone, màu trắng đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng hoạt động và các thông số khác, kèm 01 sim điện thoại.

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/01/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội và Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Nguyễn Thu T và bị cáo Lê Quyết T1 mỗi người phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thu T phải nộp 12.050.000 đồng (Mười hai triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, án xử công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- CQTHAHS TP Hà Nội;
- CQTHADS TP Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo; Luật sư bào chữa;
- Bị hại;
- Trại giam;
- Lưu VT, THS.

Trần Đức Hiếu